TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2019/DS-ST
Ngày: 10/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Lê Bá Hợp

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 614/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 03/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 672/5/15 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn C, Luật sư Văn phòng Luật sư C Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: 862/116/3J đường D, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Ngọc T; địa chỉ: 862/116/3J đường D, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt bà H, vắng mặt bà T, ông T và ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Theo 2 giấy cam kết vay nợ ngày 25/01/2018 và ngày 20/02/2018 thể hiện bà Nguyễn Thị Thanh T có vay bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 880.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn trả bà T đã không thanh toán cho bà H số tiền trên. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải trả hết số nợ 880.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi triệu đồng) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà H yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 52/2018/QĐ-BPKCTT ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân quận C để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà H số tiền 880.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo xác minh của C an phường 15, quận C thì bà T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 862/116/3J Lê Đức Thọ, phường 15, quận C, có cư trú tại đạ chỉ này đến tháng 10/2018, từ tháng 10/2018 không còn cư trú tại địa chỉ trên, không rõ nơi chuyển đến. Tòa án đã yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của bà T, nhưng bà H không cung cấp được, như vậy quận C được xem là nơi cư trú cuối cùng của bà T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Bà T và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông T.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 880.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy cam kết vay nợ bà T có xác nhận nhận nợ với bà H có mượn bà H 850.000.000 thời hạn trả từ ngày 20/02/2018 đền 20/12/2018 và giấy cam kết trả nợ ngày 25/01/2018 mượn bà H 30.000.000 đồng với thời hạn trả là ngày 30/01/2018.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối về số tiền nợ mà nguyên đơn yêu cầu, không cung cấp cho Tòa án chứng cứ đã thanh toán số tiền trên.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 880.000.000 (Tám trăm tám mươi triệu đồng) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Do bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà H nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 52/2018/QĐ-BPKCTT ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân quận C để đảm bảo thi hành án.

Bà H được nhận lại số tiền bảo đảm 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Phan Đình Phùng (theo Giấy xác nhận ngày 28/12/2018 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Phan Đình Phùng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.400.000 (Ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn) đồng trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 880.000.000 (Tám trăm tám mươi triệu) đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 19.200.000 (Mười chín triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001746 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 40, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 880.000.000 (Tám trăm tám mươi triệu) đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là là 38.400.000 (Ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho bà H là 19.200.000 (Mười chín triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001746 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 52/2018/QĐ-BPKCTT ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân quận C để đảm bảo thi hành án.

Bà H được nhận lại số tiền bảo đảm 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Phan Đình Phùng (theo Giấy xác nhận ngày 28/12/2018 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Phan Đình Phùng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Thời hạn kháng cáo của bà H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng cáo của bà T và ông T là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Loan